

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH HẬU GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - hạnh phúc**

Bản án số: 66/2021/DS-PT

Ngày 26 - 4 - 2021

V/v: “Tranh chấp quyền sử
dụng đất”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HẬU GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hồ Hữu Thắng

Các Thẩm phán: Ông Võ Hoàng Khải;
Ông Nguyễn Đình Tiến.

- Thư ký phiên tòa: Bà Tăng Thị Như Ý - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Hậu Giang.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Hậu Giang: Bà Đặng Kim Quang - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Trong ngày 26 tháng 4 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Hậu Giang, xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 09/2021/TLPT-DS ngày 04 tháng 02 năm 2021, về “Tranh chấp quyền sử dụng đất”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 07/2020/DS-ST ngày 10 tháng 11 năm 2020 của Tòa án nhân dân thành phố N, tỉnh Hậu Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 37/2021/QĐPT-DS ngày 02 tháng 3 năm 2021, và Quyết định hoãn phiên tòa số: 39/2021/QĐ-PT ngày 31 tháng 3 năm 2021, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Lê Hoàng D

Địa chỉ: ấp Đ, xã T, thành phố N, tỉnh Hậu Giang;

Đại diện hợp pháp: Nguyễn Thị S; địa chỉ: ấp Đ, xã T, thành phố N, tỉnh Hậu Giang; là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án, được nguyên đơn ủy quyền tham gia tố tụng theo các văn bản ủy quyền ngày 05 tháng 12 năm 2018 và 28 tháng 12 năm 2018. Có mặt.

- Bị đơn: 1. Nguyễn Thị R

2. Nguyễn Quốc Th

Cùng địa chỉ: ấp Đ, xã T, thành phố N, tỉnh Hậu Giang; bà Nguyễn Thị R đại diện đồng bị đơn tham gia tố tụng theo văn bản ủy quyền ngày 21 tháng 02 năm 2019. Có mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Nguyễn Thị S
2. Lê Văn T
3. Lê Hoàng Tr
4. Lê Thị Ph
5. Lê Thị Thúy D
6. Lê Hoàng K

Cùng địa chỉ: ấp Đ, xã T, thành phố N, tỉnh Hậu Giang; bà Nguyễn Thị S đại diện tham gia tố tụng theo văn bản ủy quyền ngày 26 tháng 12 năm 2018. Có mặt.

7. Nguyễn Thị K

Địa chỉ: ấp Đ, xã T, thành phố N, tỉnh Hậu Giang; ủy quyền cho bị đơn Nguyễn Thị R tham gia tố tụng theo văn bản ủy quyền ngày 09 tháng 4 năm 2019.

8. Trần Thanh T

Địa chỉ: Số A, đường H, phường V, thành phố R, tỉnh Kiên Giang. Vắng mặt.

9. Nguyễn Thị H

Địa chỉ: ấp Đ, xã T, thành phố N, tỉnh Hậu Giang. Vắng mặt.

10. Lê Phước H

Địa chỉ: ấp Đ, xã T, thành phố N, tỉnh Hậu Giang. Vắng mặt.

- *Người làm chứng:* Đỗ Văn S

Địa chỉ: ấp Đ, xã T, thành phố N, tỉnh Hậu Giang. Vắng mặt.

- *Người kháng cáo:* Nguyễn Quốc Th, là bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo án sơ thẩm và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ thì nội dung vụ án như sau:

Nguyên đơn là ông Lê Hoàng D cùng người đại diện hợp pháp của nguyên đơn và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Lê Văn T, Lê Hoàng Tr, Lê Thị Ph, Lê Thị Thúy D và Lê Hoàng K là bà Nguyễn Thị S thống nhất trình bày:

Nguồn gốc phần đất nguyên đơn sử dụng do nguyên đơn nhận chuyển nhượng của ông Đỗ Văn S, đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H-00447 ngày 18 tháng 8 năm 2008, tại thửa số 300 có diện tích là 1.826,1m² và Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H-00448 ngày 18 tháng 8 năm 2008, tại thửa số 301 có diện tích là 6.693m². Các bị đơn Nguyễn Thị R và Nguyễn Quốc Th sử dụng phần đất giáp ranh với phần đất của nguyên đơn, giữa hai phần đất giáp ranh là một con mương và một đoạn bờ, trong đó: Giáp ranh với bị đơn Nguyễn Thị R là một đoạn mương và một đoạn bờ tiếp giáp lộ có diện tích chiều ngang khoảng 02m, chiều dài khoảng 30m; giáp ranh với bị đơn Nguyễn Quốc

Th là một đoạn nương (tiếp giáp với đoạn nương giáp ranh giữa nguyên đơn và bị đơn Nguyễn Thị R) có diện tích chiều ngang khoảng 02m, chiều dài khoảng 120m. Quá trình sử dụng đất, giữa hai bên phát sinh tranh chấp đối với con nương và một đoạn bờ tiếp giáp lộ.

Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết: Buộc bị đơn Nguyễn Thị R giao trả cho nguyên đơn $\frac{1}{2}$ con nương và bờ đã lấn chiếm có chiều dài khoảng 30m, đồng thời phải đốn bỏ cây trồng nghiêng qua phần đất của nguyên đơn gồm: 01 cây chôm chôm và 05 cây dừa; công nhận phần con nương có diện tích theo kết quả đo đạc là $346m^2$ tại vị trí số 2A và $8,6m^2$ tại vị trí số 2B thuộc quyền sử dụng của nguyên đơn, buộc bị đơn Nguyễn Quốc Th đốn bỏ 30 cây dừa đã trồng có phần ngọn nghiêng qua con nương, đồng ý giao cho bị đơn Nguyễn Quốc Th sử dụng diện tích $82,4m^2$ tại vị trí số 2.

Sau khi có kết quả đo đạc thực tế, giữa nguyên đơn và bị đơn Nguyễn Thị R đã thỏa thuận giao cho bà Nguyễn Thị R được quyền sử dụng phần đất có diện tích $91,8m^2$ tại vị trí 4a.

Đại diện đồng bị đơn Nguyễn Thị R và Nguyễn Quốc Th là bà Nguyễn Thị R trình bày:

Đối với phần đất tranh chấp giữa bà Nguyễn Thị R với nguyên đơn có nội dung tranh chấp và đã được thỏa thuận như lời nguyên đơn trình bày. Đối với phần đất tranh chấp giữa anh Nguyễn Quốc Th với nguyên đơn là con nương có chiều ngang khoảng 02m, chiều dài khoảng 120m. Nguồn gốc phần đất anh Th sử dụng giáp ranh với phần đất của nguyên đơn là do ông Nguyễn Văn H để lại cho anh Th theo thủ tục thừa kế, phần nương tranh chấp nằm giữa ranh đất của nguyên đơn và anh Th, lúc còn sống ông H sử dụng con nương này để bơm sinh trồng cam, sau khi ông H chết thì anh Th không còn sử dụng con nương này, lý do nguyên đơn cho rằng con nương này thuộc quyền sử dụng của nguyên đơn là do nguyên đơn đã nhận chuyển nhượng của ông Đỗ Văn S và không cho anh Th sử dụng. Bị đơn xác định ranh đất là cây trụ đá phía sau nhà bà Rớt ngấm thẳng đến hết phần đất anh Th sử dụng nên không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, yêu cầu công nhận cho bị đơn Nguyễn Quốc Th được quyền sử dụng các phần đất có diện tích: $346m^2$ tại vị trí số 2A, $91,8m^2$ tại vị trí 4a, $8,6m^2$ tại vị trí 2B.

Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Nguyễn Thị H và ông Nguyễn Phước H cùng xác định có sử dụng phần đất giáp ranh với phần đất của nguyên đơn và bị đơn, nhưng không phát sinh tranh chấp nên không có yêu cầu.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Trần Thanh T xác định ông chỉ là người xin nhập vào hộ khẩu của gia đình nguyên đơn, không liên quan đến tài sản và đất đai của nguyên đơn nên không có yêu cầu.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 07/2020/DS-ST ngày 10 tháng 11 năm 2020 của Tòa án nhân dân thành phố N, tỉnh Hậu Giang tuyên xử như sau:

1. Đối với tranh chấp giữa ông Lê Hoàng D và bà Nguyễn Thị R.

Ghi nhận sự tự nguyện thỏa thuận giữa nguyên đơn và bị đơn.

Giao cho bà Nguyễn Thị R phần đất tại vị trí số 4a diện tích 91,8m². Trong đó có 2,2m² thuộc hành lang bảo vệ an toàn lộ xi măng, đất tọa lạc tại ấp Đ, xã T, thành phố N, tỉnh Hậu Giang thực hiện theo mảnh trích lục địa chính số 92 ngày 10/9/2020 của Trung tâm Kỹ thuật Tài nguyên và Môi trường tỉnh Hậu Giang nay là Công ty cổ phần Tài nguyên và Môi trường Hậu Giang.

2. Đối với tranh chấp giữa ông Lê Hoàng D và Nguyễn Quốc Th.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Lê Hoàng D.

Giao cho nguyên đơn ông Lê Hoàng D phần đất tại vị trí 2B diện tích 8,6m² và vị trí 2A diện tích 346m², đất tọa lạc tại ấp Đ, xã T, thành phố N, tỉnh Hậu Giang, thực hiện theo mảnh trích lục địa chính số 92 ngày 10/9/2020 của Trung tâm Kỹ thuật Tài nguyên và Môi trường tỉnh Hậu Giang nay là Công ty cổ phần Tài nguyên và Môi trường Hậu Giang.

Ghi nhận sự tự nguyện của nguyên đơn thống nhất giao cho bị đơn sử dụng phần đất tại vị trí số 2 diện tích 82,4m², đất tọa lạc tại ấp Đ, xã T, thành phố N, tỉnh Hậu Giang, thực hiện theo mảnh trích lục địa chính số 92 ngày 10/9/2020 của Trung tâm Kỹ thuật Tài nguyên và Môi trường tỉnh Hậu Giang nay là Công ty cổ phần Tài nguyên và Môi trường Hậu Giang.

Buộc ông Nguyễn Quốc Th và bà Nguyễn Thị R có trách nhiệm đốn toàn bộ 30 cây dừa có phần thân, ngọn nghiêng qua phần nương tại vị trí số 2A.

Ghi nhận sự tự nguyện của nguyên đơn về việc đốn bỏ 01 cây dừa tại vị trí số 2B. Theo đó, nguyên đơn có nghĩa vụ đốn 01 cây dừa tại vị trí 2B.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí; chi phí thẩm định, định giá tài sản; quyền yêu cầu thi hành án; quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định của pháp luật.

Ngày 23 tháng 11 năm 2020, bị đơn Nguyễn Quốc Th có đơn kháng cáo yêu cầu sửa án sơ thẩm, công nhận phần đất tranh chấp thuộc quyền sử dụng của bị đơn Nguyễn Quốc Thảo.

Ngày 23 tháng 02 năm 2021, nguyên đơn Lê Hoàng D có đơn xin rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với yêu cầu buộc bị đơn đốn 30 cây dừa có phần thân và ngọn nghiêng qua phần đất tranh chấp.

Tại phiên tòa phúc thẩm, đại diện bị đơn yêu cầu công nhận cho bị đơn được quyền sử dụng một phần hai con nương tranh chấp.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hậu Giang tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm, cho rằng: Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, Tòa án, Hội đồng xét xử và các đương sự đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục của Bộ luật tố tụng dân sự quy định. Về nội dung vụ án, đề nghị: Căn cứ quy định tại khoản 4 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự, không chấp nhận kháng cáo của bị đơn Nguyễn Quốc Th; hủy, đình chỉ một phần bản án sơ thẩm đối với yêu cầu khởi

kiện của nguyên đơn buộc các bị đơn Nguyễn Quốc Thảo và Nguyễn Thị Rót đốn 30 cây dừa có phần thân và ngọn nghiêng qua phần đất tranh chấp.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Xét đơn kháng cáo của bị đơn Nguyễn Quốc Th là đúng với quy định tại các điều 271, 272 và 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự, được Hội đồng xét xử chấp nhận xem xét theo trình tự phúc thẩm.

[2] Xét yêu cầu kháng cáo của bị đơn, Hội đồng xét xử xét thấy:

Xét về nguồn gốc, lịch sử sử dụng đất: Các đương sự đều trình bày thống nhất phần đất tranh chấp là một con mương nằm giáp ranh giữa 02 phần đất sử dụng ổn định của nguyên đơn và bị đơn Nguyễn Quốc Th. Phía bị đơn cho rằng con mương này là do cha của bị đơn (ông Nguyễn Văn H) lúc còn sống sử dụng, nhưng không cung cấp được chứng cứ chứng minh con mương là do ai đào, lúc còn sống ông H có sử dụng hay không. Ngược lại, phía nguyên đơn cho rằng nguồn gốc con mương là do ông Đỗ Văn S đào, sau đó ông S chuyển nhượng toàn bộ phần đất của ông S (trong đó có con mương) cho nguyên đơn sử dụng cho đến nay, phía bị đơn cũng thừa nhận từ lúc ông H chết (năm 2015) và để lại quyền sử dụng đất cho bị đơn thừa kế đến nay, bị đơn không sử dụng con mương này; tại phiên tòa, đại diện bị đơn thừa nhận bị đơn sử dụng nguồn nước từ con mương khác mà không sử dụng con mương này. Như vậy, nguyên đơn và bị đơn đều không chứng minh được nguồn gốc con mương là do ai đào; bị đơn thừa nhận trước năm 2015 nguyên đơn sử dụng con mương nhưng ông H cũng sử dụng bơm sinh trồng cam, từ năm 2015 đến nay bị đơn không sử dụng mà do nguyên đơn sử dụng, nhưng bị đơn cũng không tranh chấp hay ngăn cản nguyên đơn sử dụng con mương này, chứng minh phía bị đơn đã mặc nhiên thừa nhận cho nguyên đơn sử dụng phần đất tranh chấp.

Xét về diện tích đất sử dụng ổn định của nguyên đơn và bị đơn:

Phía bị đơn Nguyễn Quốc Th được cấp tổng diện tích là 13.387,3m², nhưng đo thực tế phía bị đơn sử dụng ổn định có tổng diện tích là 13.576,7m² (bao gồm 1.455,9m² đã chuyển nhượng cho nguyên đơn chưa làm thủ tục tách thửa). Như vậy, nếu chưa tính phần đất tranh chấp thì bị đơn sử dụng ổn định thực tế thừa 189,4m² so với diện tích đất được cấp.

Phía nguyên đơn được cấp tổng diện tích là 8.972,1m², nhưng đo thực tế phía nguyên đơn sử dụng ổn định có tổng diện tích là 7.289,3m². Như vậy, nếu chưa tính phần đất tranh chấp thì nguyên đơn sử dụng ổn định thực tế thiếu 1.682,8m², trong khi diện tích đất tranh chấp chỉ có 437m².

Từ những phân tích trên, xét bản án sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, công nhận cho nguyên đơn được quyền sử dụng các phần đất tại vị trí 2B có diện tích 8,6m² và tại vị trí 2A có diện tích 346m² là có căn cứ, đúng pháp luật. Do đó, kháng cáo của bị đơn yêu cầu công nhận phần đất tranh chấp thuộc quyền sử dụng của bị đơn là không có căn cứ chấp nhận.

[3] Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 23 tháng 02 năm 2021 nguyên đơn có đơn rút một phần yêu cầu khởi kiện về việc buộc các bị đơn Nguyễn Quốc Th và Nguyễn Thị R đốn 30 cây dừa có phần thân và ngọn nghiêng qua phần đất tranh chấp; tại phiên tòa nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu rút đơn khởi kiện đối với yêu cầu này, phía bị đơn cũng đồng ý chấp nhận việc rút đơn khởi kiện của nguyên đơn. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ quy định tại Điều 299 và khoản 4 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự, hủy và đình chỉ yêu cầu khởi kiện này của nguyên đơn.

[4] Xét nguyên đơn là ông Lê Hoàng D sinh năm 1953, thuộc diện người cao tuổi và được miễn nộp tiền tạm ứng án phí theo quy định tại Điều 2 của Luật người cao tuổi và điểm d khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội. Nhưng cấp sơ thẩm không hướng dẫn đương sự lập hồ sơ đề nghị để làm thủ tục miễn nộp tiền tạm ứng án phí cho đương sự theo quy định tại các Điều 12, 14 Nghị quyết 326 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội, mà cho đương sự nộp tạm ứng án phí theo thủ tục chung là không đúng quy định của pháp luật. Tuy nhiên, xét phía nguyên đơn được tuyên trả lại tiền tạm ứng án phí, không ảnh hưởng đến quyền lợi của nguyên đơn nên cấp phúc thẩm không đặt ra xem xét, mà nhận định để cấp sơ thẩm rút kinh nghiệm.

[5] Từ những phân tích trên, xét quan điểm của đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa, đề nghị không chấp nhận kháng cáo của bị đơn Nguyễn Quốc Th; hủy, đình chỉ một phần bản án sơ thẩm đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn buộc các bị đơn Nguyễn Quốc Th và Nguyễn Thị R đốn 30 cây dừa có phần thân, ngọn nghiêng qua phần đất tranh chấp là có căn cứ chấp nhận.

[6] Về án phí: Bị đơn Nguyễn Quốc Th phải nộp toàn bộ án phí dân sự phúc thẩm theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 24, khoản 1 Điều 29 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội và khoản 1 Điều 148 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm b khoản 1 và khoản 2 Điều 299, các khoản 1, 4 Điều 308, Điều 148 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các điều 100, 202 và 203 của Luật đất đai năm 2013; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn Nguyễn Quốc Th; hủy, đình chỉ một phần bản án sơ thẩm.

Tuyên xử:

1. Hủy, đình chỉ một phần bản án sơ thẩm đối với yêu cầu khởi kiện của ông Lê Hoàng D về việc buộc anh Nguyễn Quốc Th và bà Nguyễn Thị R đốn 30 cây

dừa có phần thân, ngọn nghiêng qua phần mương tại vị trí số 2A, theo mảnh trích đo địa chính số 92/HGR ngày 10 tháng 9 năm 2020 của Công ty cổ phần Tài nguyên và Môi trường Hậu Giang.

2. Ông Lê Hoàng D được quyền sử dụng các phần đất có diện tích 8,6m² tại vị trí 2B và 346m² tại vị trí 2A, tọa lạc tại ấp Đ, xã T, thành phố N, tỉnh Hậu Giang, theo mảnh trích đo địa chính số 92/HGR ngày 10 tháng 9 năm 2020 của Công ty cổ phần Tài nguyên và Môi trường Hậu Giang kèm theo bản án.

Ghi nhận sự tự nguyện của ông Lê Hoàng D về việc tự đôn bỏ 01 cây dừa tại vị trí số 2B và cho anh Nguyễn Quốc Th được quyền sử dụng phần đất có diện tích 82,4m² tại vị trí số 2, tọa lạc tại ấp Đ, xã T, thành phố N, tỉnh Hậu Giang, theo mảnh trích lục địa chính số 92/HGR ngày 10 tháng 9 năm 2020 của Công ty cổ phần Tài nguyên và Môi trường Hậu Giang.

3. Công nhận sự thỏa thuận giữa ông Lê Hoàng D và bà Nguyễn Thị R về việc giao cho bà Nguyễn Thị R được quyền sử dụng phần đất có diện tích 91,8m² (trong đó có 2,2m² thuộc hành lang bảo vệ an toàn lộ xi măng) tại vị trí số 4a, tọa lạc tại ấp Đ, xã T, thành phố N, tỉnh Hậu Giang, theo mảnh trích lục địa chính số 92/HGR ngày 10 tháng 9 năm 2020 của Công ty cổ phần Tài nguyên và Môi trường Hậu Giang.

4. Án phí dân sự sơ thẩm: Anh Nguyễn Quốc Th phải nộp 300.000đ (ba trăm nghìn đồng); bà Nguyễn Thị R tự nguyện nộp 300.000đ (ba trăm nghìn đồng). Ông Lê Hoàng D được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 0019019 ngày 05 tháng 12 năm 2018 và 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 0019085 ngày 12 tháng 02 năm 2019 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố N, tỉnh Hậu Giang.

5. Án phí dân sự phúc thẩm: Anh Nguyễn Quốc Th phải nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng), khấu trừ từ số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0004668 ngày 25 tháng 11 năm 2020 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố N, tỉnh Hậu Giang thành án phí, không ai phải nộp thêm.

6. Chi phí thẩm định, định giá tài sản: Bà Nguyễn Thị R tự nguyện nộp 2.500.000đ (hai triệu năm trăm nghìn đồng) để giao trả cho ông Lê Hoàng D; anh Nguyễn Quốc Th phải nộp 14.000.000đ (mười bốn triệu đồng) để giao trả cho ông Lê Hoàng D.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Hậu Giang;
- TAND thành phố Ngã Bảy;
- Chi cục THADS thành phố Ngã Bảy;
- Các đương sự;
- Lưu VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Hồ Hữu Thắng